

**Tập 264**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm ba mươi bốn:

*(Sớ) Vô Lượng Thọ, nhân dữ bản Phật đồng danh. Cổ hữu nhị thuyết, diệc câu hữu lý.*

*(Sao) Nhị thuyết giả.*

*(疏)無量壽。因與本佛同名。古有二說。亦俱有理。*

*(鈔)二說者。*

*(Sớ: Vô Lượng Thọ vì có cùng tên với A Di Đà Phật, nên từ xưa đã có hai thuyết, cũng đều là hữu lý.*

*Sao: Hai thuyết là...)*

Để giải thích danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, từ xưa tới nay đã có hai cách giảng.

*(Sao) Linh Chi vị chư Phật đồng danh thậm đa, quyết phi Pháp Tạng sở thành chi Phật, dĩ thị bản Phật bất ưng tự tán cố.*

*(鈔)靈芝謂諸佛同名甚多，決非法藏所成之佛，以是本佛不應自讚故。*

*(Sao: Ngài Linh Chi bảo chư Phật có cùng danh hiệu rất nhiều, [Vô Lượng Thọ Phật được nói trong đoạn kinh này] quyết chẳng phải là vị Phật do ngài Pháp Tạng tu thành; bởi lẽ, Phật chẳng nên tự ca ngợi mình).*

Đây là cách nhìn của Linh Chi đại sư, Ngài giải thích như vậy đó.

*(Sao) Từ Ân vị thiết nhược tự tán, lý diệc vô phương, dĩ đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý cố.*

*(Diễn) Đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý giả, chúng sanh trí thiện bất tri Phật cảnh, nhược bất tán dương, thắng ý bất sanh. Cổ dục dẫn đạo chúng sanh, linh sanh thắng ý, tất tu tự tán dã. Như Thích Ca Thế Tôn diệc tự tán vân: “Ngã thị Như Lai Ứng Cúng giả, ngã thị tri đạo giả, khai đạo giả, thuyết đạo giả” đẵng, diệc phổ triệu quần cơ, linh sanh thắng ý dã.*

*(鈔)慈恩謂設若自讚，理亦無妨，以導引眾生，令生勝意故。*

(演)導引眾生。令生勝意者。眾生智淺不知佛境。若不贊揚。勝意不生。故欲引導眾生。令生勝意。必須自贊也。如釋迦世尊。亦自贊云。我是如來應供者。我是知道者。開道者。說道者等。亦普召群機。令生勝意也。

(Sao: Ngài Từ Ân bảo: Dẫu là tự khen ngợi, xét theo Lý cũng chẳng ngại gì. Vì để hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng.

**Diễn:** “Hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng”: Chúng sanh trí nông cạn, chẳng biết cảnh Phật. Nếu chẳng tán dương, ý niệm thù thắng sẽ chẳng sanh khởi. Vì thế, muốn hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng, ắt cần phải tự khen ngợi. Như Thích Ca Thế Tôn cũng tự khen ngợi rằng: “Ta là đáng Như Lai Ứng Cúng, là bậc biết đạo, là bậc mở đạo, là bậc thuyết đạo” v.v... cũng là nhằm triệu tập trọn khắp các căn cơ khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng).

Khuy Cơ đại sư nói: Đức Phật tự khen ngợi mình, nói theo Lý cũng chẳng trở ngại gì, mục đích là để tiếp dẫn chúng sanh. Có rất nhiều phương tiện và pháp môn để tiếp dẫn chúng sanh, có thể làm như vậy. Ý nghĩa này cũng hết sức hay!

(Sao) **Kim song thủ nhị thuyết.**

(鈔)今雙取二說。

(Sao: Nay chọn cả hai thuyết).

Hai cách nói ấy đều có lý, đều nói thông suốt. Cả hai cách giải thích đều hay!

(Sao) **Vị cứ Đại Bản.**

(鈔)謂據大本。

(Sao: Nghĩa là dựa theo kinh Đại Bản).

Căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) **Quá vô biên Phật sát, đồng danh Thích Ca Mâu Ni giả, bất khả thắng số.**

(鈔)過無邊佛刹，同名釋迦牟尼者，不可勝數。

(Sao: Qua khỏi vô biên cõi Phật, các vị có cùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể kể xiết).

Các vị Phật có danh hiệu trùng nhau quả thật rất nhiều. Trong thế gian này, chúng ta có danh hiệu giống nhau cũng rất nhiều, cũng thường có thể trông thấy.

(Sao) Hựu, Quán Âm sư Quán Âm Như Lai đẳng.

(Diễn) Quán Âm sư Quán Âm giả, Lăng Nghiêm vân: “Ngã quá khứ, ngộ Quán Thế Âm Như Lai, bĩ Phật giáo ngã, Như Huyền Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội”.

(鈔)又觀音師觀音如來等。

(演)觀音師觀音者。楞嚴云。我於過去。遇觀世音如來。彼佛教我。如幻聞熏聞修金剛三昧。

(Sao: Lại như thầy của ngài Quán Âm là Quán Âm Như Lai v.v...

Diễn: “Thầy của ngài Quán Âm là Quán Âm Như Lai”: Kinh Lăng Nghiêm chép: “Trong quá khứ, ta gặp Quán Âm Như Lai, đức Phật ấy dạy ta môn Như Huyền Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội”).

Thầy của Quán Thế Âm Bồ Tát là ai? Quán Âm Như Lai! Thầy và trò có cùng danh hiệu.

(Sao) Tắc Vô Lượng Thọ chi danh, hà chỉ nhất Phật? Bách thiên vạn ức, bất khả cùng tận.

(鈔)則無量壽之名，何止一佛？百千萬億，不可窮盡。

(Sao: Vậy thì danh hiệu Vô Lượng Thọ làm sao chỉ là một vị Phật cho được? Trăm ngàn vạn ức, chẳng thể cùng tận).

Nói rõ: Xác thực là có những vị Phật đồng danh đồng hiệu. Không chỉ là có, mà lại còn là rất nhiều.

(Sao) Nhược cứ Phật phân biên sự, yên đắc dĩ phạm thường lệ chi, tương vô tự tán hủy tha, phạm Bồ Tát thập trọng giới da?

(鈔)若據佛分邊事，焉得以凡常例之，將無自讚毀他，犯菩薩十重戒耶。

(Sao: Đối với những chuyện thuộc về địa vị Phật, há nên suy luận theo lẽ thông thường! [Nếu cứ suy bì theo lẽ thường] sao tránh khỏi [chê

*trách Ngài mắc lỗi] khen mình, hủy báng kẻ khác, phạm mười trọng giới của Bồ Tát u?)*

Phật và đại Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, trước nay chưa hề phân biệt, chấp trước, trước nay chưa hề có vọng tưởng, lấy đâu ra lầm lỗi? Vì thế, chẳng thể dùng phàm phu để so sánh Phật, Bồ Tát. Phàm phu phiền não tập khí sâu nặng, nhất là những kẻ thuộc địa vị giống như chúng ta trong hiện tại, một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn. Đức Phật chế định khá nhiều giới luật nhằm giúp chúng ta đắc Định, khai Huệ, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Giới luật là một loại phương tiện, chẳng phải là mục đích! Nếu chúng ta muốn tự khen ngợi mình, hủy báng kẻ khác, như vậy là đã phạm mười trọng giới của hàng Bồ Tát<sup>1</sup>, đã phạm giới! Chư Phật Như Lai thanh tịnh vô nhiễm, chẳng ngại tự mình tán thán chính mình, chẳng sao cả! Chúng ta tán thán chính mình, tâm ngạo mạn dấy lên, khinh rẻ người khác, phiền não dấy lên. Đức Phật tự tán thán chính mình, chẳng phải là có tâm ngạo mạn, mà là nhằm khơi gợi, phát khởi tín tâm của chúng sanh đối với Phật, có gì mà chẳng được!

*(Sao) Ngã vi Pháp Vương, u pháp tự tại.*

*(鈔)我為法王，於法自在。*

*(Sao: Ta là Pháp Vương, tự tại nơi pháp).*

Chúng ta thấy điều này trong kinh, đức Phật tự khen mình: Ngài đắc đại tự tại trong hết thảy các pháp.

*(Sao) Tung hoành dư đoạt, Quyền Thật song chương.*

*(鈔)縱橫予奪，權實雙彰。*

*(Sao: Dọc, ngang, ban cho, đoạt lấy, Quyền lẫn Thật cùng phô bày).*

Chỉ rõ phương pháp độ chúng sanh của Phật và đại Bồ Tát có những kỹ xảo hết sức xảo diệu. Chỉ cần chúng sanh có thể đạt được lợi ích, hết thảy mọi kỹ xảo đều có thể vận dụng! Chúng ta có thể thấy những trường hợp giống như vậy trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng như trong phẩm cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới của Bát Thập Hoa Nghiêm. Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri

---

<sup>1</sup> Mười giới trọng nói ở đây chính là mười giới trọng theo kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, bao gồm sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, bán rượu, rêu rao lỗi của tứ chúng, tự khen mình chê người, bòn xén (keo kiệt, đã chẳng bố thí lại còn mắng chửi người xin bố thí), giận hờn không chịu sám hối, và hủy báng Tam Bảo.

thức ấy đều là Pháp Thân đại sĩ. Nếu nói theo tiêu chuẩn của kinh Kim Cang, các Ngài đều là chư Phật Như Lai. Chúng ta đọc xong năm mươi ba lần tham học bèn hoảng nhiên đại ngộ: “*Tung, hoành, dư, đoạt, Quyền Thật song chương*” (Đọc, ngang, ban cho, đoạt lấy, Quyền lẫn Thật cùng phô bày). Hai câu này chính là tông cương lãnh của năm mươi ba lần tham học. Tám chữ ấy đã nói trọn vẹn năm mươi ba lần tham học.

**(Sao) Cầu hữu lợi ư chúng sanh, diệc hà thi nhi bất khả.**

**(鈔)苟有利於眾生，亦何施而不可。**

**(Sao: Nếu có lợi cho chúng sanh, cũng có gì mà không thể làm được).**

Thật sự lợi ích chúng sanh thì phương pháp ấy có thể sử dụng. Nếu chúng ta hỏi, những gì là lợi ích chúng sanh? Phải hiểu đạo lý này. Chẳng phải là làm cho chúng sanh được sung sướng, chẳng phải là ý nghĩa này. Tiêu chuẩn của lợi ích chúng sanh là làm cho chúng sanh phá mê khai ngộ; đây mới là lợi ích thật sự, lợi ích chân thật.

**(Sao) Thiên thượng thiên hạ, duy ngô độc tôn.**

**(Diễn) Duy ngã độc tôn giả, Tất Đạt thái tử sơ giáng sanh thời, nhất thủ chỉ thiên, nhất thủ chỉ địa, châu hành thất bộ, mục cố tứ phương, viết: “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn”.**

**(鈔)天上天下，唯吾獨尊。**

**(演)唯我獨尊者。悉達太子初降生時。一手指天。一手指地。周行七步。目顧四方。曰天上天下。唯我獨尊。**

**(Sao: Trên trời dưới đất, chỉ có Ngã là độc tôn.**

**Diễn: “Chỉ có Ngã là độc tôn”: Thái Tử Tất Đạt lúc mới giáng sanh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, đi trọn khắp các phương, mỗi phương đều đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, nói: “Trên trời, dưới đất, chỉ có Ngã là tôn quý”).**

Đây là khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng thế [đã nói như vậy]. Có những người chẳng chịu tham cứu Phật pháp sâu xa, nghe nói như vậy bèn chê Thích Ca Mâu Ni Phật quá đỗi tự đại, quá sức ngạo mạn. Làm sao có thể là trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý độc nhất cho được? Đây là vì chẳng hiểu ý nghĩa của chữ Ta. Ta ở đây là Chân Ngã, chẳng phải là Cái Tôi trong khái niệm của bọn phàm phu chúng ta. Đức Phật nói Vô Ngã,

có thể thấy Ngã chẳng phải là nói về cái thân này! Ngã chỉ điều gì? Chỉ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong Tam Đức. Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Trong Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; Bát Nhã cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh (Nitya, Sukha, Ātmā, Śubha). Đó là “*bốn tịnh đức*”, là chân thật. “*Ngã*” (Ātmā) có nghĩa là chủ thể, tự tại, quyết định chẳng phải là ngạo mạn, mà cũng chẳng phải là tự khen ngợi mình!

***(Sao) Tiền chi nhất thuyết, khủng nhân bất tri chư Phật số như vi trần, câu chấp nhất thiên cố.***

**(鈔)前之一說，恐人不知諸佛數如微塵，拘執一偏故。**

***(Sao: Thuyết trước là vì sợ có kẻ chẳng biết chư Phật số nhiều như vi trần, bèn câu nệ, chấp trước thiên lệch).***

Cách nói thứ nhất nhằm bảo quý vị: Chư Phật đồng danh đồng hiệu quá nhiều, chớ nên có thiên kiến, chớ nên chấp trước chuyện này!

***(Sao) Hậu chi nhất thuyết, khủng nhân nệ ư bất ưng tự tán, muội Phật thân dụng cố.***

**(鈔)後之一說，恐人泥於不應自讚，昧佛神用故。**

***(Sao: Thuyết sau là do sợ có kẻ câu nệ “chớ nên tự khen ngợi”, mờ mịt chẳng biết đến diệu dụng thần kỳ của Phật).***

“*Bất ưng tự tán*” (Chớ nên tự khen ngợi) cũng là một loại chấp trước. “*Muội Phật thân dụng cố*”, [nghĩa là] chẳng biết đại dụng thần thông của Phật, Bồ Tát nhằm lợi khắp quần sanh.

***(Sao) Nhị thuyết kiêm thành, lý cố vô ngại.***

**(鈔)二說兼成，理固無礙。**

***(Sao: Hai thuyết bổ sung lẫn nhau, cố nhiên, xét theo Lý, chẳng trở ngại gì).***

Cả hai cách giải thích của cô đức đều hay. Chúng ta có cách nhìn viên dung, ý nghĩa càng rõ rệt hơn.

Vô Lượng Thọ Phật tượng trưng cho phước thọ, là mục tiêu mong cầu bậc nhất của chúng ta. Chúng ta cầu phước, cầu trường thọ, nhưng phải ghi nhớ: Chẳng phải là sự trường thọ trong thế gian này! Trường thọ trong thế gian này vô dụng! Sống lâu rất khổ, khổ sở vì tuổi già. Trường

thọ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp lắm, vì sao? Người trong cõi ấy chẳng già, vĩnh viễn là tuổi thanh xuân, đây chính là phước báo thật sự. Chúng ta trường thọ trong cõi này hoàn toàn chẳng phải là phước báo thật sự. Trường thọ nhất định phải kèm thêm khỏe mạnh; khỏe mạnh, sống lâu thì mới là phước. Còn phải kèm thêm điều kiện; chẳng có khỏe mạnh đi kèm theo, sống lâu rất khổ! Ất cần phải hiểu điều này, [như vậy thì mới tha thiết] mong cầu trường thọ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Vô Lượng Thọ. Vị Phật tiếp theo...

***(Sớ) Vô Lượng Tướng giả, tướng hảo vô tận cố.***

***(Sao) Tướng hảo giả, hoặc tam thập nhị tướng.***

***(疏)無量相者，相好無盡故。***

***(鈔)相好者，或三十二相。***

***(Sớ: Vô Lượng Tướng (Amitālakṣaṇa) là tướng hảo vô tận.***

***Sao: “Tướng hảo”: Hoặc là ba mươi hai tướng.***

Đó là [nói theo quan niệm về tướng hảo của] người thế gian chúng ta, [sẽ là] ba mươi hai tướng.

***(Sao) Hoặc bát vạn tứ thiên tướng, hoặc vi trần tướng.***

***(鈔)或八萬四千相，或微塵相。***

***(Sao: Hoặc là tám vạn bốn ngàn tướng, hoặc tướng hảo nhiều như vi trần).***

Tướng hảo thù thắng, là cảnh giới của Phật và Đại Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Trong cảnh giới phàm phu, kể cả Đại Phạm Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương [là người có địa vị] tột đỉnh trong Tứ Thiên Thiên cũng chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Đó là tướng hảo cực hạn trong thế giới Sa Bà.

***(Sao) Phước đức vô lượng, tướng diệp vô lượng dã. Tích Chí Công hiện thập nhất diện Quán Âm tướng, Tăng Diêu bất năng cử bút, hưởng Phật tướng hồ!***

***(Diễn) Chí Công hiện thập nhất diện giả, Lương Vũ Đế, thường triệu họa công Trương Tăng Diêu tả Chí Công tượng. Chí Công dĩ chỉ phân phi diện môn, tác thập nhất diện Quán Âm tướng, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu cánh bất năng hạ bút.***

(鈔)福德無量，相亦無量也。昔誌公現十一面觀音相，僧繇不能舉筆，況佛相乎。

(演)誌公現十一面者。梁武帝。嘗召畫工張僧繇。寫誌公像。誌公以指分披面門。作十一面觀音相。或慈或威。或定或慧。僧繇竟不能下筆。

(Sao: Phước đức vô lượng, tướng cũng vô lượng. Xưa ngài Bảo Chí Công hiện tướng Quán Âm mười một mặt, ông Tăng Diêu<sup>2</sup> chẳng thể vẽ được, huống hồ là tướng Phật ư?)

**Diễn:** “Chí Công hiện mười một mặt”: Lương Vũ Đế từng sai thợ vẽ Trương Tăng Diêu vẽ hình tượng Chí Công. Ngài Chí Công dùng ngón tay xoa mặt, biến thành hình tướng Quán Âm mười một mặt, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu trọn chẳng thể vẽ được).

Ở đây có một câu chuyện, trong sách Diễn Nghĩa có chú giải chuyện này. Trước hết, chúng tôi phải nói đến nguyên do của tướng hảo. Tướng liên quan đến phước. Vì thế, chúng ta thường nói là “*phước tướng*” hoặc “*quý tướng*”. Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo là tướng phú quý. Nhìn vào tướng hảo của người khác, bèn biết phước báo của người ấy. Tướng của người có phước và tướng của kẻ không có phước rất rõ rệt, vừa nhìn bèn biết ngay. Muốn có tướng hảo, nhất định là phải tu phước. Chẳng tu phước, mong sửa sắc đẹp, giả trát, sửa kiêu nào cũng đều chẳng có phước báo; đâm ra, chuốc lấy một thân đầy bệnh tật, một thân đầy trục trặc. Có thể sửa đổi cho tướng mạo tốt đẹp hơn hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị chịu tu. Đức Phật dạy chúng ta một nguyên lý: “*Tướng chuyển*

---

<sup>2</sup> Trương Tăng Diêu (张僧繇) người xứ Ngô Trung (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô) là một họa sĩ nổi tiếng thời Lương, được phong làm Thị Lang cho Vũ Lăng Vương (tức Tiêu Kỳ, con trai thứ tám của Lương Vũ Đế), chưởng quản mọi việc hội họa của triều đình. Hai con trai của ông (Thiện Quả và Nho Động) cũng là họa sĩ nổi tiếng thời ấy. Tăng Diêu sở trường vẽ tranh tôn giáo, nhất là thể loại bích họa, đặc biệt là tranh chân dung. Phong cách vẽ tượng Phật của ông trở thành một trường phái riêng được người đời gọi là Trương Gia Dạng (cách thức vẽ tranh của họ Trương). Nhiều bức vẽ của ông được chọn làm mẫu để đắp hay khắc tượng. Ông còn giỏi vẽ rồng, chim ưng, hoa cỏ, sơn thủy v.v... Tranh vẽ rồng của ông được khen là sống động như thật. Do vậy có truyền thuyết: Tăng Diêu vẽ bốn con rồng tại chùa An Lạc ở Kim Lăng, khi vừa điểm nhãn cho hai con, chúng bèn hóa thành rồng thật bay lên trời, chỉ còn sót lại hai con chưa kịp vẽ mắt. Các bức họa nổi tiếng của ông còn giữ được cho đến hiện thời là Lương Vũ Đế Tượng (hình Lương Vũ Đế), Hành Đạo Thiên Vương Đồ, Ngũ Tinh Nhị Thập Bát Tú Đồ v.v...



*theo tâm*”. Đây là nói rõ: Tướng của chính mình có thể tu được. Tâm địa từ bi, tướng cũng rất hiền lành. Tâm địa hiểm ác, tướng rất hung tợn, khiến cho người ta trông thấy buốt xương rợn óc, xác thực là có thể biến hóa. Cổ nhân thường nói: Tướng mạo sau năm bốn mươi tuổi sẽ do chính mình chịu trách nhiệm. Trước bốn mươi tuổi là “*tiên thiên*” (先天: bẩm sinh), người hiện thời nói là “*được di truyền từ cha mẹ*”. Phật pháp chẳng nói “*di truyền*”, Phật pháp nói là khi một người đến đầu thai, người ấy thích ai, tướng mạo của kẻ đó in vào A Lại Da Thức của người ấy, biến ra tướng mạo đó. Ví như khi người ấy đến đầu thai, ưa thích cha mẹ, tướng người ấy sẽ giống như cha mẹ của chính mình. [Tướng mạo] được quyết định vào lúc ấy, chẳng do di truyền. Sau bốn mươi tuổi, sẽ là “*hậu thiên*” (後天), [nghĩa là] từ bốn mươi tuổi trở đi, [tướng mạo] được quyết định bởi tâm hạnh tạo tác các nghiệp thiện ác. Một người thật sự có thể đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, tướng mạo nhất định là mỗi năm một tốt đẹp hơn, tướng mạo biến đổi, thể chất cũng biến đổi, thân tâm thanh tịnh, đây là khỏe mạnh, trường thọ thật sự.

Vô Lượng Tướng Phật, biểu thị phú quý. Phú quý cũng là điều đại chúng mong cầu. “*Đức phước vô lượng, tướng diệc vô lượng*” (Phước đức vô lượng, tướng cũng vô lượng). Đức Thế Tôn tán thán Tây Phương thế giới A Di Đà Phật: “*Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Không chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo! Những tướng ấy do đâu mà có? A Di Đà Phật phước đức vô lượng vô biên. Vì thế, cảm vời tướng mạo cũng là thù thắng khôn sánh! “*Tích*” (昔) là quá khứ. “*Chí Công*” là ngài Bảo Chí Công<sup>3</sup>, tức là một vị cao tăng vào thời Lương Vũ

---

<sup>3</sup> Ngài Bảo Chí không rõ năm sinh và mất chính xác, thường được coi là sống từ năm 418 đến năm 514 đời Lương. Ngài thường được gọi là Chí Công Thiền Sư, hay Chí Công Tổ Sư. Ngài cùng với Đạt Ma Tổ Sư và Phó Đại Sĩ được sử truyện tôn xưng là “*Lương đại tam đại sĩ*” (ba vị đại sĩ đời Lương). Năm bảy tuổi, Ngài y chỉ, xuất gia với pháp sư Tăng Kiệm tại Tử Kim Sơn. Sau khi xuất gia, Ngài trụ tại chùa Đạo Lâm, chuyên tâm Thiền Quán. Người đương thời thường nói phẩm đức, tu trì và ngôn ngữ của Ngài chẳng kém vị danh tăng đương thời là ngài Phật Đò Trưng, lại có nhiều chuyện thần dị. Sư đến đi vô ngại, không ở nơi cố định nào, có thể mấy ngày chẳng ăn mà sắc mặt vẫn như thường. Sư hay đề thơ tặng cho người khác, hoặc nói những câu khó hiểu, đến khi xảy ra chuyện mới biết Ngài nói dự ngôn. Thoạt đầu, Lương Vũ Đế cho Sư là kẻ “*yêu ngôn hoặc chúng*” (dùng lời lẽ yêu dị mê hoặc quần chúng), sai người nhốt vào ngục, nhưng hằng ngày vẫn thấy Sư la cà khắp phố. Vào ngục xem, vẫn thấy Sư nằm yên trong ấy. Về sau, Lương Vũ Đế tặng Sư một khu vườn, yêu cầu Sư ở yên trong đó, sai người vây chặt, nhưng vẫn thấy Sư hiện diện tại các ngôi chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v... Sau khi lên ngôi, sau nhiều lần

Đế. Truyện ký chép ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Do công nghiệp thù thắng, công nghiệp tốt đẹp của chúng sanh trong thế gian này, cảm vùi chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trụ thế. Thời ngài Bảo Chí Công trụ thế nhằm đúng thời đại Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế là một Phật tử kiên thành, hết sức tôn kính ngài Bảo Chí Công. Tại Đài Loan, người lay Lương Hoàng Sám rất nhiều, Lương Hoàng tức là Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế siêu độ phi tử. Khi còn sống, phi tử của ông ta từng tạo ác nghiệp, đọa vào súc sanh đạo. Nhà vua thỉnh cầu ngài Bảo Chí Công tác pháp siêu độ cho cô ta. Phật sự siêu độ của ngài Bảo Chí Công dành cho cô ta, nay được gọi là Lương Hoàng Sám. Lương Hoàng Sám do ngài Bảo Chí Công biên soạn. Bảo Chí Công là Quán Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ Tát siêu độ cô ta, cũng chỉ có thể siêu độ đến cõi trời Đao Lợi. Lên cao hơn nữa, chẳng được! Trong kinh Địa Tạng, cô gái Bà-la-môn và cô Quang Mục đều là tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát, siêu độ thân nhân cũng là siêu độ về Đao Lợi Thiên. Trước đây, chúng tôi giảng A Nan Vấn Phật Sự Cát Hung Kinh, kinh ấy do đại sư An Thế Cao phiên dịch. Sau khi công tác phiên dịch kết thúc, ngài An Thế Cao đến Giang Nam để độ một đồng học trong đời trước. Người đồng học ấy cũng tạo tác ác nghiệp, đọa vào thần đạo, làm long vương hồ Cung Đình, tức là hồ Bà Dương (鄱陽)<sup>4</sup> hiện thời, thuộc huyện Cửu Giang [tỉnh Giang Tây]. Sư siêu độ long vương ấy, cũng giúp cho ông ta sanh lên trời Đao Lợi. Cho thấy: Do công đức siêu độ, chỉ có thể đạt tới Đao Lợi Thiên. Lên tầng trời cao hơn Đao Lợi, phải cậy vào sự tu hành của chính mình, hoàn toàn nhờ vào người khác tu phước sẽ chẳng thể đạt được! Nhất định phải là do chính mình có công phu tu hành thì mới có thể sanh vào tầng trời thứ ba trở lên trong Dục Giới! Lương Vũ Đế rất kính nể, bội phục ngài Bảo Chí Công; khi ấy, chẳng có máy chụp

---

hỏi đạo, Lương Vũ Đế nhận biết Sư là một vị thiện tri thức thật sự, bèn tôn Ngài làm quốc sư, hết sức sùng tín. Ngài và Phó Đại Sĩ được coi là những vị đi tiên phong nhằm mở đường cho tổ Đạt Ma đại khai Thiên học tại Trung Hoa về sau này. Lương Hoàng Sám có tên gọi là Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp do Ngài biên soạn nhằm siêu độ phi tử Hy Thị của Lương Vũ Đế. Có sách chép Sư tịch năm Thiên Giám mười ba, thọ chín mươi sáu tuổi. Vua sai lập chùa Khai Thiện cạnh mộ Sư, ban tặng thụy hiệu là Quảng Tế Đại Sư. Các đời sau lần lượt tôn xưng Ngài là Diệu Giác đại sư, rồi Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cẩm Đại Sư.

<sup>4</sup> Hồ Bà Dương là hồ lớn thứ hai trong Ngũ Đại Hồ của Trung Quốc (năm cái hồ lớn chứa nước ngọt đó lần lượt có tên là Bà Dương, Động Đình, Thái Hồ, Hồng Trạch và Sào Hồ). Hồ Bà Dương nhận nước của năm con sông là Cám, Phủ, Tín, Nhiêu, Tu. Hồ rộng đến 162.000 km<sup>2</sup>. Chỗ sâu nhất đến 25,1 mét, độ sâu bình quân là 8,4 mét. Giữa hồ có bốn mươi một hòn đảo, hòn đảo lớn nhất mang tên Liên Hồ Sơn.

hình, nhà vua rất muốn giữ lại hình ảnh ngài Bảo Chí Công, bèn mời họa sĩ đến vẽ, họa hình Sư giữ lại để thờ phụng. Ngài Bảo Chí Công có thần thông, trong chốc lát biến hiện mười một loại gương mặt khác nhau, người vẽ chân dung chẳng có cách nào vẽ được, chẳng thể vạch nét bút nào. Trong Cao Tăng Truyện có một câu chuyện như vậy. Ngài Bảo Chí Công có thần thông biến hóa, có thể biến hóa các gương mặt khác biệt, chúng ta thường gọi [tượng biến hiện ấy] là Thập Nhất Diện Quán Âm.

**(Sớ) Vô Lượng Tràng giả.**

**(疏)無量幢者。**

**(Sớ: Vô Lượng Tràng - Amitadhvaja).**

Tràng (幢) là cao, rõ rệt, hình dung người có địa vị hiển hách, cao vời trong xã hội, là bậc đại quý.

**(Sớ) Công đức cao hiển, dụ chi như tràng. Cực kỳ cao hiển, danh vô lượng dã. Hựu vô lượng giả, quảng đa nghĩa.**

**(疏)功德高顯，喻之如幢。極其高顯，名無量也。又無量者，廣多義。**

**(Sớ: Công đức cao vời, rõ rệt, ví như tràng. Cao vời, rõ rệt tột bậc, gọi là vô lượng. Vô lượng lại có nghĩa là rộng nhiều).**

“Tràng” (幢) là tỷ dụ. Ở Đài Loan ít thấy tràng, tại Đại Lục hoặc Nhật Bản thì thường thấy. Tràng và Phan (幡) thuộc cùng một loại, đều treo trên cột cờ, thuộc loại cờ xí. Phan dẹp, tràng hình tròn, giống như ống thoát gió ở phi trường. Vào thời cổ, Phật môn là sư đạo. Sư đạo thì chẳng chiêu sinh. Sư đạo có tôn nghiêm của sư đạo: “Chỉ nghe trò tìm đến thầy xin học, chưa nghe nói thầy phải tìm trò đến nghe thầy dạy”, chẳng thể triệu tập mọi người tới. Nhưng chúng ta có hoạt động ở đây cũng chẳng thể không thông báo cho mọi người biết. Thông báo cho quý vị biết, quý vị thích thì đến. Chẳng thích, quý vị có thể không đến, chẳng có mảy may miễn cưỡng nào! Phương pháp thông báo là trước cửa chùa miếu đều có cột cờ; cột cờ để treo phan hoặc tràng. Nếu ở chỗ chúng ta có pháp hội bèn treo phan. Người ta thấy phan, [biết là] hôm nay đạo tràng ấy có pháp hội, người thích tham gia pháp hội bèn đến. Nếu giảng kinh thì dùng tràng, hình tròn, treo trên cột cờ, [nhằm thông báo] hôm nay đạo tràng này có giảng kinh, ai thích nghe kinh thì đến. Đây là nhằm báo với đại chúng đạo

tràng chúng tôi hôm nay có hoạt động gì. Hiện thời, không cần đến những thứ ấy. Hiện thời, thông tin rất thuận tiện, có thể gửi thông cáo, hoặc đăng quảng cáo trên báo, thay thế tác dụng của tràng và phan xưa kia. Tràng treo ở cột cờ bèn treo rất cao, gọi là “*pháp tràng cao thụ*” (dụng cao pháp tràng), biểu thị pháp hội giảng kinh.

*(Sao) Tràng giễu, phan thuộc, hựu vân kỳ thuộc.*

(鈔)幢者，旛屬，又云旗屬。

*(Sao: Tràng thuộc loại phan, lại là một loại cờ).*

Thuộc loại cờ xí<sup>5</sup>.

*(Sao) San Định Ký, tràng hữu thất nghĩa, ước chi thành ngũ.*

(鈔)刊定記，幢有七義，約之成五。

*(Sao: Theo San Định Ký<sup>6</sup>, tràng có bảy nghĩa, nói giản ước thì thành năm nghĩa).*

---

<sup>5</sup> Cờ xí (kỳ xí) là tên gọi chung các loại cờ, nhưng có phân biệt đôi chút. Các loại cờ có bề ngang và bề rộng gần bằng nhau, to bản, treo dọc trên cột cờ, hoặc treo ngang lồng vào cán cờ, thì gọi là Kỳ (旗). Một đặc điểm nữa là Kỳ thường có nhiều màu (thường là màu của ngũ hành), ghi đại tự (thường là một chữ, như tên gọi của vương triều như Tống, Đường, Tề, hoặc tên gọi của đất phong như Bảo Định, hoặc chức tước như chữ Soái). Loại hẹp và dài, luôn treo dọc thì gọi là Xí (幟). Xí có thể ghi nhiều chữ nhằm ca ngợi, hoặc để trống, hoặc có thêu vẽ một phù hiệu hoặc biểu tượng. Xí thường không có tua viền trong khi Kỳ thường viền đuôi nheo chung quanh. Thời cổ còn một loại cờ nữa chuyên dùng để biểu hiện uy quyền, kết bằng đuôi trâu và lông chim gọi là Tinh (旌). Tùy theo cấp bậc quyền lực mà quy định số Tinh được cắm trên xe, cũng như đài chỉ huy. Cũng giống như Tinh là Tiết (節), nhưng Tiết biểu thị người được nhà vua trao quyền, thường được cầm hoặc rước cùng với các thứ binh khí tượng trưng quyền lực khác như phủ việt. Thoạt đầu, Tiết cũng là đuôi trâu buộc vào cán gỗ, về sau, trở thành hình thức kết nhiều quả cầu bằng tơ, cán có hình đầu rồng, treo chuông đồng v.v... Về sau, hễ nói đến các loại cờ quạt nói chung dùng trong nghi lễ hay trang trí, người ta thường gọi chung là “*tinh kỳ*” hoặc “*kỳ xí*”, không còn gọi tách bạch như thời cổ.

<sup>6</sup> San Định Ký là gọi tắt của Hoa Nghiêm Lược Sớ San Định Ký do ngài Huệ Uyên soạn vào đời Đường. Thật ra tác phẩm này do ngài Pháp Tạng khởi xướng: Sau khi Tân Hoa Nghiêm (Bát Thập Hoa Nghiêm được dịch xong), ngài Pháp Tạng viết chú thích, nhưng chỉ chú giải được hai phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm và Thập Định thì đã thị tịch, ngài Huệ Uyên bèn viết tiếp. Ngài Huệ Uyên san định những phần do ngài Pháp Tạng viết, đồng thời đề xướng giáo nghĩa “*hai loại Thập Huyền Môn*”.

“Ước” (約) là quy nạp, quy nạp bảy ý nghĩa lại thì tối thiểu là có năm ý nghĩa.

**(Sao) Nhất, cao hiển nghĩa, dụ Phật vị cực tôn cố. Nhị, kiến lập nghĩa, dụ Phật bi trí, kiến lập chúng sanh, cập Bồ Đề cố.**

**(Diễn) Kiến lập nghĩa giả, thượng dĩ đại trí kiến lập Bồ Đề, hạ dĩ đại bi kiến lập chúng sanh cố.**

**(鈔) 一、高顯義，喻佛位極尊故。二、建立義，喻佛悲智，建立眾生，及菩提故。**

**(演) 建立義者。上以大智建立菩提。下以大悲建立眾生故。**

**(Sao: Một là nghĩa cao hiển, ví như địa vị Phật tôn quý tột cùng. Hai là nghĩa kiến lập, ví như bi và trí của Phật kiến lập chúng sanh và Bồ Đề.**

**Diễn: “Nghĩa kiến lập”: Trên là dùng đại trí tạo dựng Bồ Đề, dưới là dùng đại bi để dựng yên chúng sanh).**

Chúng ta thường nói “*kiến pháp tràng*”. Kiến pháp tràng có nghĩa là kiến lập đạo tràng. “*Kiến pháp tràng*” [thuở trước] và “*kiến lập đạo tràng*” trong hiện thời có ý nghĩa khác nhau. Người hiện thời xây dựng một ngôi chùa, đó có phải là “*kiến lập đạo tràng*” hay không? Không nhất định! Chùa xây dựng hoàn tất, nhưng chẳng có đạo trong ấy, chẳng thể gọi là đạo tràng. Trong ấy phải có đạo thì mới được. “*Kiến pháp tràng*” thì trong ấy nhất định là có đạo. Lập tông chỉ, xác định phương pháp và mục tiêu tu học, dùng phương pháp ấy để đạt tới mục tiêu tu học thì cần phải thành lập tông chỉ.

Giống như trong Tịnh Tông, chúng ta theo pháp môn Niệm Phật, “*tín nguyện trì danh*” là phương pháp tu hành, “*vãng sanh bất thoái thành Phật*” là mục tiêu tu hành. Đó là tông chỉ của Tịnh Tông. Đây là ý nghĩa “*kiến lập*”.

**(Sao) Tam, quy hướng nghĩa, dụ Phật vị chúng sanh sở tôn ngưỡng cố.**

**(鈔) 三、歸向義，喻佛為眾生所宗仰故。**

**(Sao: Ba là ý nghĩa quy hướng, ví như Phật được chúng sanh kính trọng, ngưỡng mộ).**

Có ý nghĩa quy y trong ấy.

**(Sao) Tứ, tôi diễn nghĩa, hàng phục nhất thiết chư ma quân cố.**

**(鈔)四、摧殄義，降伏一切諸魔軍故。**

*(Sao: Bốn là ý nghĩa đập tan, trừ sạch, hàng phục hết thầy các ma quân).*

Vì Phật pháp có thể giúp chúng ta phân biệt tà, chánh, hiểu rõ đúng, sai, cho nên có ý nghĩa hàng phục tà tri tà kiến trong ấy.

**(Sao) Ngũ, diệt bố nghĩa.**

**(鈔)五、滅怖義。**

*(Sao: Năm là ý nghĩa diệt trừ sự sợ hãi).*

“Bố” (怖) là kinh sợ. Nếu chúng ta có thể lìa khỏi hết thầy ưu lự, bất an, hoảng sợ, đó là được Phật pháp hộ niệm.

**(Sao) Như Đế Thích cáo chư thiên chúng, như dữ Tu La chiến thời, thiết hữu khủng bố, đương niệm ngã thất bảo tràng, kỳ bố tức diệt.**

**(鈔)如帝釋告諸天眾，汝與修羅戰時，設有恐怖，當念我七寶幢，其怖即滅。**

*(Sao: Như Đế Thích bảo chư thiên: “Khi các ông cùng A Tu La giao chiến, nếu sợ hãi, hãy nên nghĩ tới tràng bảy báu của ta, nỗi sợ hãi ấy sẽ diệt”).*

Đây là tỷ dụ, [ý nói] chúng sanh niệm Phật có thể rời khỏi hết thầy các thứ kinh sợ.

**(Sao) Dụ Phật đắc vô sở úy, chúng sanh niệm Phật, tức ly khủng bố cố. Kim duy thủ cao hiển nhất nghĩa, nhiếp dư nghĩa dã.**

**(鈔)喻佛得無所畏，眾生念佛，即離恐怖故。今唯取高顯一義，攝餘義也。**

*(Sao: Ví như Phật đắc vô sở úy (không sợ hãi điều gì), chúng sanh niệm Phật bèn lìa sợ hãi. Nay chỉ dùng một nghĩa là cao hiển để bao gồm những nghĩa khác).*

Đôi với năm ý nghĩa ấy, nói một ý nghĩa, những ý nghĩa khác cũng đều được bao gồm trong ấy.

***(Sao) Quảng đa giả, kỳ tràng đa nhi vô lượng. Như kinh ngôn, tràng phan, bảo cái, biến mãn hư không, Phật thụ vô lượng diệu nghĩa, chỉ thị chúng sanh, diệc phục như thị.***

**(鈔)廣多者，其幢多而無量。如經言，幢旛寶蓋，遍滿虛空，佛豎無量妙義，指示眾生，亦復如是。**

***(Sao: “Rộng nhiều”: Tràng ấy nhiều vô lượng. Như kinh nói: “Tràng phan, lọng báu đầy khắp hư không”. Đức Phật kiến lập vô lượng nghĩa màu nhiệm để chỉ dạy chúng sanh cũng giống như thế).***

Hai câu kinh này cũng bảo cho chúng ta biết đôi chút về trạng huống chân thật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tràng là tiêu chí (biểu tượng, logo) của việc giảng kinh, thuyết pháp. Ví như chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, trên cái tràng ấy nhất định đề “*Nam-mô Vô Lượng Thọ Kinh*”. Giảng kinh Hoa Nghiêm, trên tràng nhất định viết là “*Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*”. Tràng phan, lọng báu vô lượng vô biên nhằm bảo chúng ta: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thầy các kinh pháp đều đang được tuyên giảng.

Nói cách khác, nếu chúng ta hết sức hâm mộ kinh giáo, thầy đều mong học hết, những thứ [tràng phan, lọng báu] ấy đã nói rất rõ rệt: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, ở bên ấy thầy đều trọn đủ, có thầy tốt nhất, bạn học tốt nhất, hoàn cảnh tu học tốt đẹp nhất. Vì sao chẳng đến nơi đó để tu học? Hai câu ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu, bảo cho chúng ta biết tình huống giảng kinh, thuyết pháp sôi nổi, phong phú trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói thật ra, các thế giới phương khác chẳng thể sánh bằng. Lại xem vị Phật kế tiếp:

***(Sớ) Đại Quang giả, quang huy quảng bị cố.***

**(疏)大光者，光輝廣被故。**

***(Sớ: Đại Quang (Mahāprabhā) là chiếu sáng rực rỡ rộng khắp).***

Danh hiệu này biểu thị đại trí.

***(Sao) Quang chỉ hóa tha chi dụng, chư thiên nhân diệc hữu thân quang, bất giả nhật nguyệt.***

(鈔)光指化他之用，諸天人亦有身光，不假日月。

(Sao: Quang là nói đến tác dụng hóa độ người khác. Thân các vị trời cũng có quang minh, chẳng cần nhờ đến mặt trời, mặt trăng [soi sáng]).

Hiện thời, quang minh trong thế gian này xuất phát từ mặt trời. Mặt trăng phản chiếu ánh sáng, chứ bản thân mặt trăng chẳng tỏa sáng. Bản thân chư thiên có quang minh; phước báo của họ to lớn, vật chất [trong cõi trời] cũng tỏa ánh sáng. Chư thiên còn như thế, đương nhiên là Tây Phương Cực Lạc thế giới càng chẳng cần phải nói nữa!

(Sao) Nhị Thừa tiểu quả, nhân địa Bồ Tát, giai hữu quang minh, tỷ Phật vi tiểu.

(鈔)二乘小果，因地菩薩，皆有光明，比佛為小。

(Sao: Hàng Nhị Thừa tiểu quả, các Bồ Tát còn đang tu nhân đều có quang minh, nhỏ hơn quang minh của Phật).

A La Hán có quang minh, thân của Bích Chi Phật và các vị Bồ Tát đều có quang minh. Có [hai loại quang minh là] thường quang và phóng quang, nhưng đều thua kém Phật.

(Sao) Phật quang ánh tể nhất thiết, cố vân đại dã.

(Diễn) Phật quang ánh tể nhất thiết giả, thiên nhân chi quang dẫn tể nhất nguyệt. Thanh Văn chi quang kiêm tể thiên nhân, Chi Phật chi quang kiêm tể Thanh Văn, Bồ Tát chi quang kiêm tể Chi Phật, duy Phật quang minh, ánh tể nhất thiết chi đại quang dã.

(鈔)佛光映蔽一切，故云大也。

(演)佛光映蔽一切者。天人之光但蔽日月。聲聞之光兼蔽天人。支佛之光兼蔽聲聞。菩薩之光兼蔽支佛。唯佛光明。映蔽一切之大光也。

(Sao: Quang minh của Phật chiếu rọi, che lấp hết thảy [các ánh sáng khác], nên nói là “đại”.

Diễn: “Phật quang che lấp hết thảy”: Quang minh của chư thiên chỉ che lấp mặt trời, mặt trăng. Quang minh của Thanh Văn [ngoài che lấp mặt trời, mặt trăng] còn kèm thêm che lấp quang minh của chư thiên. Quang minh của Bích Chi Phật còn kèm thêm che lấp quang minh của



Thanh Văn. Quang minh của Bồ Tát còn kèm thêm che lấp quang minh của Bích Chi Phật, chỉ có quang minh của Phật là to lớn che lấp hết thảy).

Được gọi là Đại Quang Phật.

**(Sớ) Đại Minh giả, vị Phật dĩ đại trí, phá chư Hoặc tận cố.**

**(疏)大明者，謂佛以大智，破諸惑盡故。**

**(Sớ: Đại Minh (Mahānirbhāsa), ý nói Phật dùng trí huệ phá sạch các Hoặc).**

Biểu thị tác dụng của trí huệ.

**(Sao) Phá chư Hoặc tận giả.**

**(鈔)破諸惑盡者。**

**(Sao: Phá hết sạch các Hoặc).**

Phá hết sạch. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chưa đoạn hết sạch Hoặc, vẫn còn thừa sót, chỉ có nơi quả địa Như Lai là hoàn toàn đoạn sạch.

**(Sao) Nhất Thiết Trí, phá Kiến Tư Hoặc tận; Đạo Chứng Trí, phá Trần Sa Hoặc tận; Nhất Thiết Chứng Trí, phá Vô Minh Hoặc tận.**

**(Diễn) Kiến Tư Hoặc giả, kiến giả, nhược vân kiến Lý thời, năng đoạn thử Hoặc, tức từng giải đắc danh. Nhược vân kiến chỉ thị Giả, Giả giả bất thật vi nghĩa, tức đương thể thọ xưng. Tư Hoặc nhập tu đạo vị, trọng lự duyên chân, thử Hoặc tức trừ, danh Tư Duy Hoặc. Thử từng giải đắc danh. Nhược vân tư giả cập ái hoặc giả, thử đương thể thọ xưng. Nhiên Kiến Hoặc từng Pháp Trần khởi, năng chứng chân lý. Tư Hoặc từng ngũ trần khởi, năng khiên tam giới. Thử giai ước Dục Giới đa phần thuyết, tế luận bất câu. Trần Sa Hoặc giả, vị chúng sanh Kiến Tư số đa như trần sa, nãi tha nhân phận thượng chi Hoặc. Bồ Tát chi hạnh, chuyên vị hóa tha. Nhược linh chúng sanh năng đoạn Kiến Tư chi hoặc, ư Bồ Tát tức thị đoạn Trần Sa Hoặc, diệt danh Biệt Hoặc giả, biệt tại Bồ Tát sở đoạn cố dã. Vô Minh Hoặc giả, vị ư nhất thiết pháp vô sở minh liễu, cố viết vô minh. Thử Hoặc nãi nghiệp thức chủng tử, phiền não căn bản. Thanh Văn, Duyên Giác bất tri kỳ danh. Biệt tại Đại Thừa Bồ Tát, Định Huệ song tu, vạn hạnh cụ túc, phương đoạn thử Hoặc. Cố diệt danh Biệt Hoặc dã. Nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh, năng tri, năng giải, danh Nhất Thiết Trí. Năng tri nhất thiết đạo chủng sai biệt, phân biệt vô mâu, danh Đạo Chứng Trí. Phật trí**

trung tất song chiếu, tam trí cụ túc, danh Nhất Thiết Chủng Trí. Thử tam trí thị quả, Tam Quán thị nhân. Thử Chung Tâm Yếu vân: “Không Quán giả, phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán giả, phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chủng Trí, thành Giải Thoát đức. Trung Quán giả, phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thành Pháp Thân đức”. Nhiên phi trí bất đoạn, phi đoạn bất trí. Tâm Yếu tiên ngôn phá Hoặc, hậu ngôn chứng trí. Thị phi đoạn bất thành trí dã. Kim Sao tiên ngôn trí chứng, hậu ngôn phá Hoặc giả. Thị phi trí bất năng đoạn dã.

(鈔)一切智，破見思惑盡；道種智，破塵沙惑盡；一切種智，破無明惑盡。

(演)見思惑者。見者。若云見理時。能斷此惑。即從解得名。若云見祇是假。假者不實為義。即當體受稱。思惑入修道位。重慮緣真。此惑即除。名思惟惑。此從解得名。若云思假及愛惑者。此當體受稱。然見惑從法塵起。能障真理。思惑從五塵起。能牽三界。此皆約欲界多分說。細論不拘。塵沙惑者。謂眾生見思數多如塵沙。乃他人分上之惑。菩薩之行。專為化他。若令眾生能斷見思之惑。於菩薩即是斷塵沙惑。亦名別惑者。別在菩薩所斷故也。無明惑者。謂於一切法無所明了。故曰無明。此惑乃業識種子。煩惱根本。聲聞緣覺不知其名。別在大乘菩薩。定慧雙修。萬行具足。方斷此惑。故亦名別惑也。內法內名。外法外名。能知能解。名一切智。能知一切道種差別。分別無謬。名道種智。佛智中必雙照。三智具足。名一切種智。此三智是果。三觀是因。始終心要云。空觀者。破見思惑。證一切智。成般若德。假觀者。破塵沙惑。證道種智。成解脫德。中觀者。破無明惑。證一切種智。成法身德。然非智不斷。非斷不智。心要先言破惑。後言證智。是非斷不成智也。今鈔先言智證。後言破惑者。是非智不能斷也。

(Sao: Nhất Thiết Trí phá hết Kiến Tư Hoặc, Đạo Chủng Trí phá hết Trần Sa Hoặc, Nhất Thiết Chủng Trí phá hết Vô Minh Hoặc.

**Diễn:** “Kiến Tư Hoặc”: Nếu nói theo lúc thấy Lý, Kiến sẽ có thể đoạn Hoặc này, tức [danh xưng Kiến Hoặc] là từ Giải mà gọi tên. Nếu nói Kiến chỉ là giả, giả có nghĩa là chẳng thật, tức là [phiền não này] được gọi tên theo Thê. Đối với Tư Hoặc, thì dự vào địa vị Tu Đạo, những mối ưu lự nặng nề đều duyên theo lẽ chân, phiền não này bèn trừ. Gọi nó là Tư Duy Hoặc chính là gọi tên theo Giải. Nếu nói Tư là giả và Ái Hoặc thì phiền não này được gọi tên theo Thê, nhưng Kiến Hoặc do Pháp Trần sanh khởi, có thể chướng ngại chân lý. Tư Hoặc do Ngũ Trần sanh khởi, có thể lôi kéo [chúng sanh] vào tam giới. Những điều này phần lớn là nói theo Dục Giới. Nếu luận định tỉ mỉ, sẽ chẳng hạn định trong một cõi nào [của tam giới]. Trần Sa Hoặc có nghĩa là Kiến Hoặc và Tư Hoặc của chúng sanh số lượng nhiều như cát bụi, thuộc về phiền hoặc của người khác. Hạnh Bồ Tát chuyên vì hóa độ người khác. Nếu có thể khiến cho chúng sanh đoạn trừ Kiến Tư Hoặc thì đó chính là Bồ Tát đoạn Trần Sa Hoặc. [Phiền não này] còn gọi là Biệt Hoặc vì nó [là phiền não] dành riêng cho Bồ Tát phải đoạn. Vô Minh Hoặc có nghĩa là do chẳng hiểu rõ hết thấy các pháp, nên gọi là Vô Minh. Phiền não này chính là chủng tử của nghiệp thức, là căn bản phiền não. Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết đến danh xưng của phiền não này. Chỉ riêng Đại Thừa Bồ Tát cùng tu Định và Huệ, vạn hạnh trọn đủ, mới đoạn Hoặc này, nên nó cũng được gọi là Biệt Hoặc. Đối với nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh đều có thể biết, có thể hiểu, thì gọi là Nhất Thiết Trí. Có thể biết hết thấy các đạo chủng sai biệt, phân biệt chẳng sai lầm thì gọi là Đạo Chủng Trí. Trong Phật trí, ắt song chiếu, ba trí cùng trọn đủ, bèn gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Ba trí ấy chính là quả, ba phép Quán là nhân. Sách Thi Chung Tâm Yếu nói: “Không Quán phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chủng Trí, thành Giải Thoát đức. Trung Quán phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thành Pháp Thân đức”. Nhưng chẳng có trí, sẽ chẳng thể đoạn; chẳng có đoạn, bèn chẳng có trí. Sách Tâm Yếu trước là nói đến chuyện phá Hoặc, sau là nói đến chuyện “chứng trí”; đó là [nói theo khía cạnh] “chẳng đoạn sẽ không thể thành trí”. Nay lời Sao trước hết là nói đến chuyện chứng đắc trí, rồi mới nói đến chuyện phá Hoặc, là nói theo phương diện “chẳng có trí, sẽ không thể đoạn”).

Đều là nói về sự phá trừ hết sạch [các Hoặc]. Từ kinh Tiểu Thừa, chúng ta thấy Tứ Quả La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, chứng Nhất Thiết Trí. Có phải là thật sự đoạn hết hay không? Kinh Đại Thừa cho biết

[hàng Tiểu Thừa] đoạn hết các Hoặc trong tam giới, nhưng chẳng đoạn được tế hoặc (細惑: những phiền não vi tế) ở ngoài tam giới. Hoặc thuộc tam giới là thô, Hoặc ở ngoài tam giới là tế, vẫn phải là cho đến khi thành Phật mới đoạn trừ hết được. Dưới đây là một tỷ dụ:

**(Sao) Cảo nhật đương không, vô sở bất chiếu, vân Đại Minh dã.**

**(鈔) 杲日當空，無所不照，云大明也。**

*(Sao: Vàng mặt trời rạng rỡ giữa không trung, không đâu chẳng chiếu đến bèn gọi là Đại Minh).*

Giống như vàng mặt trời. Mặt trời hoàn toàn chẳng bị mây che lấp, ánh nắng mặt trời tỏa rạng hoàn toàn, soi khắp đại địa. Dùng chuyện này để tỷ dụ Phật. Bồ Tát và La Hán tuy đoạn Hoặc, chẳng đoạn hết, hãy còn một tầng mây mỏng che khuất. Quang minh tuy rất rõ rệt, chẳng phải là viên mãn, hãy còn có một tầng mây mỏng, nên chẳng gọi là Đại Minh. Phải là ngay cả vi tế Hoặc thấy đều đoạn sạch thì mới gọi là quang minh viên mãn, gọi là Đại Minh.

**(Sao) Tuy tiền tự giác tha, thử tự tự giác.**

**(鈔) 雖前似覺他，此似自覺。**

*(Sao: Tuy vị Phật trước dường như là giác tha, vị Phật này dường như là tự giác).*

Đại Quang dường như là Giác Tha, Đại Minh dường như là Tự Giác.

**(Sao) Các cử nhất đức, nghĩa thật hồ cụ, như thượng tổng thuyết trung biện.**

**(鈔) 各舉一德，義實互具，如上總說中辯。**

*(Sao: Tuy là đối với mỗi vị Phật chỉ nêu một đức, nhưng vị nào cũng thật sự trọn vẹn các nghĩa ấy như đã biện định trong phần Tổng Thuyết thuộc phần trước).*

Hai thứ ý nghĩa ấy (tự giác và giác tha) đều có, Đại Quang có ý nghĩa tự giác, giác tha. Đại Minh cũng là ý nghĩa tự giác, giác tha, chớ nên khăng khăng chấp trước. Chúng ta nói theo sự biểu thị pháp: Đại Quang biểu thị đại trí, Đại Minh biểu thị đại trí khởi dụng (phát sanh tác dụng). Ý nghĩa này tương đối dễ hiểu.

*(Sớ) Bảo Tướng giả, tướng hảo thù đặc, như bảo tôn quý cố.*

*(疏) 寶相者，相好殊特，如寶尊貴故。*

*(Sớ: Bảo Tướng là tướng hảo thù thắng đặc biệt, như chất báu tôn quý vậy).*

Bảo Tướng (Ratnalakṣaṇā) biểu thị sự tôn thắng, tôn quý thù thắng.

*(Sao) Tướng hảo như bảo giả, Phật hữu vô lượng tướng, cô cử nhất nhị. Mục tướng, như kinh ngôn: “Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục”. Hào tướng, như kinh ngôn: “Lưu ly đồng”. Hung tướng, như kinh ngôn: “Tử ma kim”. Nhục kế tướng, như kinh ngôn: “Chân Thúc Ca”. Giai sở vị bảo tướng dã.*

*(鈔) 相好如寶者，佛有無量相，姑舉一二。目相，如經言：八萬四千清淨寶目；毫相，如經言：琉璃筒；胸相，如經言：紫磨金；肉髻相，如經言：甄叔迦。皆所謂寶相也。*

*(Sao: “Tướng hảo như chất báu”: Phật có vô lượng tướng, chỉ nêu một hai tướng. Tướng mắt là như kinh nói: “Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh”. Tướng bạch hào là như kinh nói: “Ổng lưu ly”. Tướng ngực là như kinh nói: “Vàng tía được giồi mài”. Tướng nhục kế là như kinh nói: “Chân Thúc Ca”. Những tướng ấy đều được gọi là “bảo tướng”).*

“Mục” (目) là mắt, “hào” (毫) là bạch hào. Các tử dụ đều dùng bảy báu để hình dung. Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh được nói trong kinh Lăng Nghiêm.

*(Diễn) Lăng Nghiêm vân: “Do ngã hoạch đắc diệu diệu văn tâm, cố ngã năng hiện chúng đa diệu dung, nãi chí nhị mục, tam mục, tứ mục, cửu mục, bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại”. Hào tướng như lưu ly đồng giả, Như Lai hiện tướng, sơ sanh thời khiên trường ngũ xích, khổ hạnh thời trường nhất trượng tứ xích ngũ thốn. Thành đạo thời trường nhất trượng ngũ xích, trung không, ngoại minh, như lưu ly đồng.*

(演)楞嚴云：由我獲得妙妙開心，故我能現眾多妙容，乃至二目三目、四目九目，八萬四千清淨寶目，或慈或威，或定或慧，救護眾生得大自在。毫相如琉璃筒者。如來現相。初生時牽長五尺。苦行時長一丈四尺五寸。成道時長一丈五尺。中空外明。如琉璃筒。

(Diễn: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Do ta đạt được cái tâm diệu diệu văn<sup>7</sup>, nên ta có thể hiện các thứ dung mạo nhiệm màu, cho đến hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu giúp, bảo vệ chúng sanh đấng đại tự tại”. “Trống bạch hào như ống lưu ly”: Như Lai hiện tướng, lúc mới sanh, bạch hào kéo ra dài năm thước. Khi khổ hạnh dài một trượng bốn thước năm tấc. Khi thành đạo dài một trượng năm thước. Ở giữa rộng, bên ngoài sáng ngời, như ống lưu ly vậy).

Đây là kinh văn trong phần Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm, do chính Quán Thế Âm Bồ Tát nói. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Thất Hồi Hương. Trong kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát. Theo kinh Lăng Nghiêm, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo còn có năng lực to tát như thế, đáng nên dùng thân gì để thuyết pháp bèn có thể hiện thân ấy. “Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp”. Đây chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có thể dùng thân phận ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo để vì chúng sanh thuyết pháp. Trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã chú giải “chư Phật” trong kinh Kim Cang là từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cho đến Phật quả rốt ráo, đều gọi là “chư Phật”,

---

<sup>7</sup> “Diệu diệu văn tâm” chính là chân tâm hoặc tự tâm. Trong bài giảng Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, lão pháp sư Tịnh Không đã nói: “Nhĩ căn tiếp xúc thanh trần là Thị Giác. Mắt thấy sắc, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc trần, ý đối pháp trần, hễ một thứ giác, hết thấy đều giác, phải hiểu đạo lý này. Vì thế, quý vị biết dùng một căn thì cả sáu căn đều biết dùng, sẽ đạt được gì? Diệu diệu văn tâm. Nhất định là khi đã đạt đến mức xoay trở lại cái Nghe để nghe nơi tánh, cái Nghe nghe nơi tự tánh ấy chính là tánh của Thị Giác trong tự tánh, mà cũng là Thị Giác và Bản Giác hợp nhất. Không chỉ là Bản Giác diệu, mà Thị Giác cũng diệu. Bản Giác là tâm, Thị Giác cũng là tâm. Vì thế gọi là Diệu Diệu Văn Tâm. Chữ Diệu thứ nhất là Thị Giác, chữ Diệu thứ hai là Bản Giác, cả hai đều diệu!”

vì Viên Giáo Sơ Trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chữ “*chư Phật*” chỉ bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Thiên Tông thường nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, có ý nghĩa này. Vị Phật cuối cùng...

**(Sớ) Tịnh Quang giả.**

**(疏)淨光者。**

**(Sớ: Tịnh Quang (Śuddharaśmi-prabhā)).**

Sáu vị trước đều biểu thị tu phước. Trong tu phước, Vô Lượng Thọ Phật biểu thị trường thọ, Vô Lượng Tướng Phật biểu thị phú quý, Vô Lượng Trang Phật biểu thị địa vị cao vời, hiên hách, Đại Quang Phật biểu thị đầy đủ đại trí huệ. Đại Minh Phật biểu thị xử sự, đãi người, tiếp vật đều tuân theo lý tánh, chẳng phải là cảm tình. “*Lý tánh*” là trí huệ, tức là lý trí nắm quyền, chẳng có tâm riêng tư. Bảo Tướng Phật biểu thị lòng tôn trọng, sùng kính, ngưỡng mộ của chúng sanh đối với Ngài, đều là biểu thị phước đức. Vị Phật cuối cùng dạy chúng ta phương pháp tu phước, phải tu đại phước đức như thế nào? Phải tịnh, phải quang. Tâm phải thanh tịnh, tâm địa quang minh; thanh tịnh quang minh, quý vị bèn có thể tu đại phước báo. Tu phước báo hết sức khó khăn!

Sáng nay có người đến phỏng vấn tôi, người ấy muốn làm mấy niệm Phật, muốn dùng băng thâu tiếng niệm Phật của Đồ Thư Quán chúng ta để làm băng gốc chế mấy niệm Phật. Đó là chuyện tốt đẹp. Người ấy kể: Trong quá khứ đã từng làm những tấm cạc (card) nhỏ in hình Phật, thần chú Lăng Nghiêm, hoặc làm tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, làm những thứ nhỏ nhỏ có thể đeo trên thân. Người ấy làm rất nhiều. Sau đấy mới nói đến chuyện bản quyền, vì bọn họ tốn nhiều công sức thiết kế, cũng mong trong tương lai chính mình có bản quyền, chẳng cho phép kẻ khác làm nhái theo. Tôi bảo người ấy: “Ông làm kiểu đó, phước báo rất nhỏ. Ông chỉ có thể kiếm lợi một chút”. Tôi nhắc nhở người ấy, nói: Ông hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn. Chúng sanh trong lục đạo, kể cả Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, phước báo là nhất định. “*Một hóp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn*”. Ông vắt óc suy nghĩ, rất thông minh, rất có phương pháp, kiếm tiền khá lắm. Thật ra [tiền ấy] đã được định sẵn trong mạng. Trong mạng chẳng có thì một đồng ông cũng chẳng kiếm được! Oan uổng quá! Hằng ngày luôn tính toán, tính đến nỗi hết sạch một chút phước báo tu được trong đời trước. Phước báo do đâu mà có? Đức Phật đã dạy chúng ta rất rõ ràng, Phật chẳng gạt người! Của cải là do tài

bồ thí mà có. Tiền bạc, vật chất trong một đời này là do đời quá khứ tu tài bồ thí, đời này được quả báo. Trong đời quá khứ chẳng tu tài bồ thí, đời này quý vị sẽ bị bần tiện, khổ sở, chẳng có cách nào hết, chẳng tránh được! Bản lãnh lớn, trí huệ cao, vô dụng! Quý vị bần cùng thì vẫn phải bần cùng. Trước kia, thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ thật sự có trí huệ. Trong thời gian chiến tranh tại Đại Hàn, thầy rất tự hào bảo tôi: “*Một mình tôi tối thiểu có thể chống lại binh lực của mười sư đoàn*”. Thầy có đầu óc, có trí huệ! Nhưng như thế nào? Vẫn là một vị giáo viên nghèo túng, sống qua ngày bằng tiền lương, chẳng đủ tiền mua sách! Đây là vì đời trước thầy tu huệ, chẳng tu phước. Thầy rất thông minh, chẳng có phước báo, cuộc sống rất kham khổ. Vì thế, muốn có của cải, hãy tu tài bồ thí. Muốn thông minh, trí huệ, hãy tu pháp bồ thí. Muốn khỏe mạnh, sống lâu, hãy tu vô úy bồ thí. Đức Phật dạy chúng ta, ba thứ phước báo do như vậy mà có!

Quý vị làm ra những thứ ấy đúng là có công đức, giúp cho bao nhiêu người niệm Phật được lợi ích, nhưng sở hữu bản quyền thì công đức mất sạch, toàn bộ đều bị gột sạch, biến thành phước báo nhỏ tí tì tí! Chút phước báo ấy chẳng phải là do đời này, mà là do đời trước tu thành, đời sau có phước báo hay không? Đời sau chẳng có phước báo! Không chỉ là chẳng có phước báo, nay tôi nói lời thật, quý vị nghe xong sẽ sợ hãi. Chuyện là như thế nào? Quý vị còn mắc tội lỗi, tội lỗi gì vậy? Buôn bán Như Lai! Những thứ thuộc về Phật pháp thì phải để lợi ích trọn khắp hết thảy chúng sanh, quý vị cướp đoạt lấy, chiếm giữ để làm của riêng mình, đem ra mua bán, quả báo là ở trong địa ngục A Tỳ, quý vị nói xem có đáng thương lắm không? Tôi nói lời này chẳng phải là hù dọa quý vị, tôi nói lời chân thật. Trong tương lai, quý vị đọa vào địa ngục, tới khi ấy bèn trách móc: “Thuở đó, tôi gặp pháp sư Tịnh Không, ông ta chẳng nói với tôi, hại tôi khổ sở ngàn ấy!” Tôi đã bảo quý vị, tôi nói lời thật cùng quý vị. Quyết định chớ nên “*giữ bản quyền sở hữu, tái bản sẽ bị truy cứu trách nhiệm*”. Hai câu ấy là chúng có tội trạng để vua Diêm La phán quý vị đọa địa ngục. Chẳng có cách nào chống lại chúng có gây tội ấy! Vì thế, hết sức nghiêm trọng. Vì sao chẳng mở rộng tâm lượng? Làm một đệ tử Phật thật sự, giúp Phật lưu thông đại pháp, lợi ích chúng sanh, phước báo sẽ chẳng cùng tận. Vì thế, người ấy làm [như vậy] chẳng ít năm, mà tướng mạo cũng chẳng tốt đẹp, khí sắc cũng chẳng tốt đẹp, thân thể cũng lắm bệnh tật. Tôi nói: “Ông tu hành có vấn đề, đã đắm vào lối rẽ. Thật sự tu hành đúng pháp, hiện tiền sẽ đạt được quả báo tốt đẹp, tướng mạo nhất định là mỗi năm một tốt hơn, mỗi năm thân thể một khỏe mạnh hơn, mặt mũi hồng hào. Phải nên là như vậy thì mới là đúng, [vì] ông đã làm nhiều chuyện tốt đẹp



dường ấy mà! Có thể thấy là những gì ông đã làm chẳng phải là chuyện tốt đẹp, phải biết điều này!” Vì thế, tâm địa phải thanh tịnh, phải quang minh, cũng là phải có lý trí, phải có trí huệ và lý tánh thì quý vị mới có thể thật sự tu được phước báo!

Ông ta nhìn đạo tràng của chúng ta, nói đạo tràng của chúng ta chẳng đáng kể. Tôi nói: “Chúng tôi kiến lập đạo tràng từ năm Dân Quốc 68 (1979), không ngừng phát triển mở rộng, phát triển cho tới tình trạng như hiện thời. So với các đạo tràng khác, chúng tôi thua kém xa [về quy mô vật chất nguy nga, tráng lệ]. Đạo tràng của chúng tôi chẳng chèo kéo tín đồ, không ép người khác quyên tiền. Chúng tôi bảo vệ một nguyên tắc: ‘Đạo tràng nhỏ, chi tiêu ít, tâm an thoải mái!’ Chúng tôi đi theo con đường chánh đáng. Có dư sức thì thay mọi người tu phước, chúng tôi in kinh bồ thí, làm hết thấy sự nghiệp Phật giáo, thay mọi người tu phước. Người ta tặng tiền nhiều bèn làm nhiều, ít tiền bèn làm ít, chẳng có tiền thì không làm! Không làm là tốt nhất! Khi không làm, chúng tôi chẳng có chuyện gì để làm, hằng ngày niệm A Di Đà Phật, rất tốt! Chúng tôi giữ vững nguyên tắc này, cho nên chẳng mong phát triển [cơ sở vật chất đồ sộ], tâm an thoải mái, cuộc sống hết sức hạnh phúc, hết sức vui sướng, chẳng gánh lấy nhân quả!”

***(Sớ) Phật đức thanh tịnh, phát quang minh cố. Hựu kỳ quang thanh tịnh, danh Tịnh Quang cố.***

***(Sao) Thanh tịnh phát quang giả, hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang.***

***(Diễn) Hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang giả. Ngoại đạo tà trí, Nhị Thừa thiên trí, giai vô minh vi Thễ, bất phát diệu quang. Phật nữ ngũ trụ cứu tận, tịnh cực quang thông đạt dã.***

***(疏)佛德清淨，發光明故。又其光清淨，名淨光故。***

***(鈔)清淨發光者，有染之智，不發妙光。***

***(演)有染之智。不發妙光者。外道邪智。二乘偏智。皆無明為體。不發妙光。佛乃五住究盡。淨極光通達也。***

***(Sớ: Phật đức thanh tịnh, nên phát ra quang minh. Quang minh ấy lại thanh tịnh nên gọi là Tịnh Quang.***

***Sao: “Do thanh tịnh nên phát ra quang minh”: Trí bị nhiễm sẽ chẳng phát ra diệu quang”.***

***Diễn: “Trí bị nhiễm sẽ chẳng phát ra diệu quang”: Trí tà vạy của ngoại đạo và trí lệch lạc của Nhị Thừa đều dùng vô minh làm Thễ, chẳng***

phát ra diệu quang. Phật đã thấu suốt tột cùng Ngũ Trụ, tịnh đến cùng cực, quang minh bèn thông đạt).

“Hữu nhiễm chi trí” là gì? “Nhiễm” (染) là vọng tưởng, phiền não. Nói cách khác, vọng tưởng chẳng phá, phiền não chẳng đoạn. Phiền não là tham, sân, si, mạn, chẳng đoạn những ý niệm ấy, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Trí huệ từ tâm sanh ra. Trí huệ sanh từ cái tâm, trí huệ sanh từ [trong cái tâm] chẳng thanh tịnh sẽ là tà trí huệ, chẳng phải là chánh trí huệ, chẳng phải là chân trí huệ. Tà trí huệ cũng có thể gạt người, cũng có thể khởi tác dụng rất lớn. Chúng tôi thường nói: “Tin tà, chẳng tin chánh; nghe lừa, chẳng nghe khuyên”. Tà trí cũng có thể mê hoặc kẻ khác nhất thời, nhưng rốt cuộc sẽ bị vạch trần, tới cuối cùng bị người ta phát hiện là họ đang bị lừa, bị gạt gẫm, họ sẽ giác ngộ, sẽ quay đầu, sẽ xa lìa! Vì thế, hễ là tà trí kiến thì sẽ chẳng thể tồn tại lâu dài. Mắc hại cạn hay sâu, nói thật ra, có liên quan tới sự ngu mê của kẻ ấy. Bị hại nông cạn bèn giác ngộ, quay đầu, đây là kẻ thông minh, có thiện căn. Chấp mê chẳng ngộ, đó là kẻ mê muội sâu xa, chẳng có thiện căn, nghiệp chướng sâu nặng. Do vậy có thể biết, trong giáo hóa, vì sao Phật pháp coi trọng đoạn phiền não như vậy, đạo lý ở ngay chỗ này! Tứ Hoàng Thệ Nguyên dạy chúng ta thứ tự trong tu học; trước hết là phải “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Sau khi đã đoạn phiền não thì mới học pháp môn. “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Đoạn phiền não, học pháp môn, giới hạn ở chỗ nào? Phải đoạn phiền não đến trình độ nào thì mới có thể học pháp môn? Nói theo tiêu chuẩn trong kinh Đại Thừa, hãy quên đi ý niệm học pháp môn trong một đời này. Vì sao? Chẳng thể nào đạt tới. Khuôn mẫu trong kinh Đại Thừa là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm. Thiện Tài đồng tử đắc Căn Bản Trí trong hội của Văn Thù Bồ Tát. Căn Bản Trí là gì? Là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là gì? Đoạn hết Kiến Tư phiền não thì mới có tư cách ra ngoài tham học. Thật sự đoạn hết phiền não, đi tham học sẽ là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, giới hạn ở chỗ ấy. Chẳng đoạn hết Kiến Tư phiền não, chẳng có tư cách đi tham học. Nếu quý vị đi tham học, sẽ học được toàn là tà trí tà kiến. Vì sao? Quý vị chẳng đoạn Tam Độc phiền não, nhào trộn lẫn lộn, biến chánh kiến thành tà kiến, quý vị sẽ nghĩ sai lời Phật, sẽ hiểu sai bét ý nghĩa, vận dụng sai be bét, với tình hình như vậy quý vị thường là chẳng tránh khỏi tạo tội nghiệp. Đây là nói đến tiêu chuẩn chân chánh do kinh Hoa Nghiêm đã dạy; nhưng lũ phàm phu bình phàm chúng ta xác thực là chẳng thể đạt tới tiêu chuẩn này. Chẳng đạt tới tiêu chuẩn thì làm như thế nào? Do vậy, người đời sau lại

hạ thấp tiêu chuẩn này; nói thật ra, hạ đến mức thấp nhất, hạ độ thấp nhất cũng là Tiểu Thừa Sơ Quả. Tiểu Thừa Sơ Quả phải đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tiêu chuẩn ấy đã bị hạ thấp quá nhiều! Từ Tiểu Thừa Tứ Quả giáng xuống Sơ Quả. Nếu đã nói đến Tứ Quả Tứ Hướng, [đặt ra tiêu chuẩn là Tiểu Thừa Sơ Quả] tức là đã hạ thấp xuống bảy tầng cấp, không thể hạ thấp hơn được nữa, có thể miễn cưỡng học điều này! Nhưng đối với tiêu chuẩn ấy, trong một đời này, chúng ta vẫn chẳng làm được, nói thật thà đấy nhé!

Chúng ta muốn nghiên cứu giáo pháp, làm như thế nào? Đúng là chẳng có cơ hội. Trước kia, chúng tôi theo thầy Lý học giảng kinh ở Đài Trung. Chúng tôi đâu có giảng kinh! Chẳng phải là giảng kinh, mà là gì? Giảng chú giải! Hoàn toàn nương theo chú giải của cổ nhân để giảng. Cổ nhân viết chú sớ bằng Văn Ngôn, chúng tôi dịch sang văn nói Bạch Thoại, [giảng chú giải] tức là dịch chú giải của cổ nhân [từ Văn Ngôn sang tiếng Bạch Thoại] trên giảng đài! Nếu giảng trật là do cổ đức chú giải sai, là chuyện của các Ngài, chẳng liên quan gì đến chúng tôi, chúng tôi làm công tác phiên dịch mà thôi! Lão nhân gia dạy chúng tôi học giảng kinh phải dùng thái độ như vậy thì sẽ chẳng có lầm lỗi, vì sao? Chúng tôi chẳng thể đoạn phiền não, chưa thể khai ngộ. Tôi dạy mọi người đọc kinh, bắt đầu học Phật thì trước hết hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn lần. Có kẻ nghe xong, hiểu lầm ý nghĩa, bảo: “Pháp sư Tịnh Không dạy người ta niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn lần sẽ khai ngộ”. Tôi chẳng hề nói lời ấy, chính kẻ đó hiểu lầm ý nghĩa. Nói thật ra, tôi dạy người khác niệm ba ngàn lần, chắc chắn là chẳng khai ngộ. Chẳng khai ngộ, có sao niệm ba ngàn lần? Ba ngàn lần nhằm thâm hồi cái tâm, ý nghĩa ở chỗ này. Tâm chúng ta tán loạn quá mức, niệm kinh ba ngàn lần để thâm liễm, thâm hồi cái tâm. Nói cách khác, giúp cho tâm quý vị thanh tịnh. Chưa thể đạt tới tiêu chuẩn thanh tịnh, nói chung là chúng ta đang tu tập. Nếu tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh đòi hỏi sáu mươi điểm, nay chúng ta có tối thiểu năm điểm hoặc mười điểm, nói chung, chẳng phải là không có điểm nào, mà là có được mấy điểm, có ý nghĩa như thế đó! Sau khi tâm đã thâm liễm, niệm Phật hiệu sẽ dễ có cảm ứng, mà cũng dễ đắc lực, mục đích ở chỗ này! Vì thế, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm ý nghĩa.

“*Tịnh*” là hết sạch phiền não, “*Quang*” là trí huệ hiện tiền. Phiền não tiêu, trí huệ tăng trưởng. Diệt một phần phiền não, tăng trưởng một phần trí huệ. Nói cách khác, phiền não tăng trưởng một phần, trí huệ giảm bớt một phần; phiền não giảm một phần, trí huệ tăng trưởng một phần. Đây là lý do vì sao đức Phật coi trọng chuyện đoạn phiền não như thế ấy.

“*Nhiêm*” là phiền não, “*hữu nhiễm chi trí*” chẳng đáng coi là quý, chúng ta cũng chẳng cần giữ lấy nó, nhất định phải là trước hết đoạn phiền não, tu tâm thanh tịnh, tu bình đẳng, đó là điều trọng yếu. Thật sự đạt tới thanh tịnh, bình đẳng, sau đó sẽ nhất định là có giác, giác ấy là trí huệ. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã phô rõ cho chúng ta thấy chuyện này.

**(Sao) Phật đức chí tịnh.**

**(鈔)佛德至淨。**

**(Sao: Phật đức thanh tịnh tột bậc).**

Tâm Phật thanh tịnh đến cùng cực.

**(Sao) Xuất đại quang minh, thí như kính thể thanh tịnh, năng giám hình cố.**

**(鈔)出大光明，譬如鏡體清淨，能鑑形故。**

**(Sao: Tỏa đại quang minh, ví như do thể của gương là thanh tịnh, nên có thể chiếu soi hình tướng).**

Sánh ví [tâm] như một tấm gương. Tấm gương sạch lâu, chẳng có mây may ô nhiễm nào. “*Giám*” (鑑) là chiếu, chiếu bên ngoài rõ ràng rành mạch.

**(Sao) Kỳ quang thanh tịnh giả, thí như dã thiêu, diệc hữu quang minh, tỷ chi nhật nguyệt, bất danh tịnh cố.**

**(鈔)其光清淨者，譬如野燒，亦有光明，比之日月，不名淨故。**

**(Sao: “Quang minh ấy thanh tịnh”: Ví như đốt rẫy, cũng có quang minh, nhưng so với mặt trời, mặt trăng thì [quang minh ấy] chẳng thể gọi là tịnh được).**

Lửa cháy đồng hoang thiêu núi cũng có quang minh, cũng có ánh lửa, nhưng quang minh ấy chẳng thanh tịnh. Trong quang minh ấy có ô nhiễm, có rất nhiều bụi bặm trong đó, chẳng thanh tịnh như quang minh của mặt trời, mặt trăng.

Vị Phật này biểu thị cương lĩnh trọng yếu trong tu hành: Phải dùng cái tâm thanh tịnh, phải dùng trí huệ thì mới có thể tu phước. Chẳng có trí huệ, phước tu được là giả, người ấy đã thấy sai mất rồi! Hôm nay, có một

vị cư sĩ đến hỏi tôi. Vì thân thể ông ta không khỏe, thường bị bệnh, gặp phải tai nạn, có người khuyên ông ta lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, làm đàn Thủy Lục, ông ta đều làm cả. Ông ta hỏi tôi: Ông ta đã thực hiện khá nhiều phương pháp để tiêu tai, nhưng chẳng tiêu tai được. Nhà Phật thường nói “*tiêu nghiệp chướng*”, tôi hỏi ông ta: Nghiệp chướng là gì? Ông ta chẳng thốt nên lời! Chúng ta học Giáo đã nhiều năm như thế, chớ nên chẳng hiểu rõ! Nghiệp là gì? Đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự. Sự sau khi đã làm xong, kết quả của nó là Nghiệp. Học hành trong nhà trường, học xong, đã tốt nghiệp. Khi còn chưa tốt nghiệp, ngay trong lúc đang học tập trong trường, quý vị thấy tập vở, vở bài tập, đưa học trò ấy đang tạo nghiệp. Nghiệp tạo xong, tốt nghiệp, rời khỏi nhà trường, vào xã hội lại bắt đầu tác nghiệp. Trong nhà trường có vở bài tập rất rõ ràng, quý vị hằng ngày làm những nghiệp gì, đặt chân vào xã hội, tuy chẳng có tập vở, chẳng ghi chép, nhưng trong A Lại Da Thức đã ghi từng khoản một, giống như nhập hết dữ liệu vào computer, chẳng sót một khoản nào! Quý vị hằng ngày đang tạo nghiệp, khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, miệng nói năng là tạo nghiệp, hết thấy động tác nơi thân thể là tạo nghiệp, thân miệng ý đều đang tạo nghiệp. Nghiệp có thiện, có ác, có vô ký, tạo thiện nghiệp có thiện quả, tạo ác nghiệp có ác báo, đó là nghiệp. Nếu chúng ta muốn tiêu nghiệp chướng, đương nhiên là chẳng thể nào tiêu thiện nghiệp, nói chung là phải tiêu trừ nghiệp chướng của ác nghiệp. Hiểu rõ điều này, quý vị lạy Lương Hoàng Sám, sau khi lạy xong, có phải là chẳng có ác niệm nào hay không? Nếu như sau khi đã lạy xong Lương Hoàng Sám, chẳng có ác niệm nào, nói chuyện với người khác, chẳng nói một câu dở bản hay bại hoại nào, quý vị đã thật sự tiêu nghiệp! Nếu lạy xong, trong tâm vẫn dấy vọng tưởng, vẫn luôn nghĩ chuyện lợi mình tổn người, nghiệp của quý vị chẳng thể tiêu được. Không chỉ là chẳng thể tiêu trừ, mà nghiệp còn tăng trưởng, vì sao? Đã bái Lương Hoàng Sám, tổn nhiều tiền đường ấy, tổn tinh thần lắm ngàn ấy, ta chẳng tiêu nghiệp chướng được, [bèn nghi ngờ sám pháp] chẳng linh, ngay cả Phật, Bồ Tát cũng đều bị chê trách, chẳng phải là tội nghiệp nặng thêm hơn ư? Ngu si đấy mà!

Sau khi đã thật sự hiểu rõ thì mới thật sự biết một câu A Di Đà Phật đúng là đã tiêu trừ nghiệp chướng của chúng ta. Trong tâm chúng ta khởi một ác niệm, [bèn niệm] A Di Đà Phật để chèn ép ác niệm ấy, [khiến cho] cái tâm bình lặng. Nói một lời xấu xa bèn “A Di Đà Phật”, chèn ép lời nói xấu xa ấy, đó là thật sự tiêu trừ nghiệp chướng. Lâu ngày chầy tháng, trải qua nửa năm, một năm, hai năm, ba năm, đúng là ác niệm ít đi, hành vi ác ít đi, thiện niệm tăng trưởng, hành vi thiện tăng trưởng, đó là hiệu quả thật

sự. Vì thế, tu phước, tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng có trí huệ, chẳng thể nào tu được phước báo thật sự.

**(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh thanh tịnh bất khả tận, thị Tây phương hằng sa Phật nghĩa.**

**(Diễn) Tự tánh thanh tịnh giả, dĩ tánh ly hoặc nhiễm, tòng bản dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp bất tương ứng cố.**

**(疏)稱理，則自性清淨不可盡，是西方恆沙佛義。**

**(演)自性清淨者。以性離惑染。從本以來。一切染法不相應故。**

**(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh thanh tịnh chẳng thể tận, là ý nghĩa của hằng sa Phật ở Tây phương.**

**Diễn: “Tự tánh thanh tịnh”: Do tánh lìa Hoặc nhiễm, trước nay vốn chẳng tương ứng với hết thảy các nhiễm pháp).**

Ý nghĩa của Tây Phương đã được nói trong phần trước.

**(Sao) Tây Phương nghĩa kiến tiền giải, lương dĩ Chân Như tự thể, trạm nhược hư không, tuyệt điểm thuần thanh, tăng hà nhai tế.**

**(Diễn) Trạm nhược hư không giả, như thật không trung, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, vô hư vọng tâm niệm cố, tăng hà nhai tế giả. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến cố.**

**(鈔)西方義見前解，良以真如自體，湛若虛空，絕點純清，曾何涯際。**

**(演)湛若虛空者。如實空中。離一切法差別之相。無虛妄心念故。曾何涯際者。離念相者。等虛空界。無所不遍故。**

**(Sao: Đối với ý nghĩa của Tây Phương, hãy xem lời giải thích trong phần trước, ấy là vì tự thể của Chân Như lặng trong như hư không, thuần thanh tột bậc, chẳng hề có ngăn mé.**

**Diễn: “Lặng trong như hư không”: Trong cái Không như thật, là tướng sai biệt của hết thảy các pháp, do chẳng có tâm hư vọng, há từng có ngăn mé ư? Là tướng niệm, bằng với hư không giới, không gì chẳng trọn khắp vậy).**

“Nhai tế” (涯際) là rộng lớn chẳng có ngăn mé.

**(Sao) Tiêm trần sạ khởi.**

**(鈔)纖塵乍起。**

**(Sao: Mây trần vừa dấy lên).**

Mây may trần duyên mới vừa dấy lên.

**(Sao) Phật diệt đa thời.**

**(鈔)佛滅多時。**

**(Sao: Thì Phật đã diệt từ lâu).**

Phật là giác tánh; một vọng niệm dấy lên, giác tánh liền mê mất.

**(Sao) Tâm cấu đốn trừ, cổ Phật tùy hiện.**

**(鈔)心垢頓除，古佛隨現。**

**(Sao: Chát dơ trong tâm vừa trừ, cổ Phật liền hiện).**

“Cổ Phật” là tự tánh, là con người thật sự của chính mình. Chỉ cần tâm thanh tịnh, thanh tịnh đến tột bậc, giống như tử dụ ở chỗ này, “*tuyệt điểm thuần thanh*” [nghĩa là] thanh tịnh đến cùng cực, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên công đức trong tự tánh thấy đều hiện tiền. Thành Phật là thành vị Phật nào vậy? Tự tánh Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, thành vị Phật vốn sẵn có. Xin hãy xem kinh văn.

**(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn, như đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.**

**(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。**

**(Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”).**

Ý nghĩa này giống như trong phần trước. Mỗi lần chúng tôi đọc đoạn kinh văn này đều bị cảm động rất sâu. Đức Phật đối với chúng ta vô tận từ bi, ban cho chúng ta lời khuyên chân thành trung thực nhất, chúng ta nhất định phải tin tưởng, chẳng cô phụ sự hộ niệm của đức Phật dành cho chúng ta.